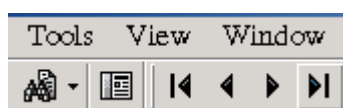


MỘT SỐ THAO TÁC CƠ BẢN ĐỌC TOÀN VĂN KQNC

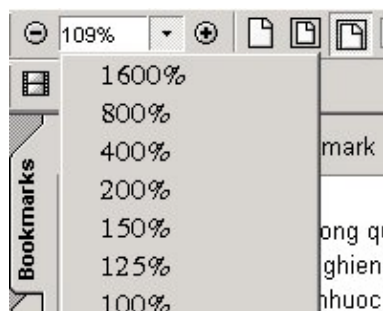


☞ Sử dụng mục lục đọc nhanh bên phải màn hình để đọc ngay Chương, Mục phù hợp (nháy chuột vào tên Chương, Mục muốn đọc)

☞ Sử dụng các phím PageUp, PageDown, Enter, phím mũi tên trên bàn phím hoặc các biểu tượng mũi tên trên thanh công cụ để lật trang:



☞ Sử dụng các biểu tượng trên thanh công cụ (hoặc chọn tỷ lệ hiện hình trang tài liệu trong hộp công cụ) dưới đây để phóng to/thu nhỏ trang tài liệu:



4/6/92

VIỆN KẾ HOẠCH DÀI HẠN VÀ PHÂN BỐ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT
BAN CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

ĐỀ TÀI
70A - 02 - 04

PHÂN TÍCH SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
QUA CÁC THỜI KỶ VÀ DỰ BÁO ĐẾN
NĂM 2005

Hà Nội - 1990

TRUNG TÂM THÔNG TIN TƯ LIỆU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
9399
KHO LƯU TRỮ
CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
PHAN THU NHAT: Hoạt động của đề tài	3
PHAN THU HAI : Phân tích sự phát triển kinh tế Việt Nam	6
CHUONG I : Khái quát tình hình phát triển kinh tế qua các thời kỳ	7
I. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám (1945)	7
II. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954)	8
III. Thời kỳ chống Mỹ xâm lược (1954-1975)	9
IV. Thời kỳ hòa bình thống nhất (từ 1975 đến nay)	11
CHUONG II: Thực trạng kinh tế hiện nay	14
I. Những thành tựu	14
II. Khủng hoảng và phát triển lạc điệu	15
III. Thử phân tích một số khuyết điểm chủ quan	22
PHAN THU BA : Dự báo phát triển dài hạn	26
CHUONG III: Những tiến đề xây dựng dự báo	27
I. Bối cảnh quốc tế	27
II. Nhân tố bên trong	29
CHUONG IV : Một số phương án dự báo sơ bộ	31
I. Dự báo tính toán trực tiếp và tương quan liên ngành	31
II. Dự báo trên cơ sở tương quan giữa đầu tư và phát triển	32
PHU LUC	35

ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

Viện kế hoạch dài hạn và
Phân bố lực lượng sản xuất
Chương trình 70A

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 1990

BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
Phân tích sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ
và dự báo đến năm 2005
(Mã số 70A - 02 - 04)

Phần thứ nhất

Hoạt động của đề tài

Trên cơ sở tổ chức lại Chương trình khoa học kỹ thuật trong điểm của nhà nước 70-A, đề tài "Phân tích sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ và dự báo đến năm 2005" mã số 70A-02-04 được tiến hành trong hai năm 1989 và 1990 với tổng kinh phí 4.1 triệu đồng (năm 1989 : 2.1 triệu đồng và năm 1990 : 2 triệu đồng), bị cắt giảm 1/3 so với kế hoạch đã duyệt ban đầu.

Chủ trì đề tài nghiên cứu là Ban các vấn đề chung của Viện Kế hoạch dài hạn và phân bố lực lượng sản xuất.

Chủ nhiệm đề tài : Tiến sĩ khoa học kinh tế Nguyễn Quang Thái, Phó trưởng ban các vấn đề chung.

Phó chủ nhiệm đề tài : Phó tiến sĩ thống kê Lê Anh Sơn

Trong quá trình triển khai đề tài đã huy động các cán bộ nghiên cứu của Ban các vấn đề chung và Tổ Cán đối - Dự báo (GS Lê Vinh, PTS Hồ Quang Minh, KS Võ Thị Hồng Việt KS Tạ Văn Tự).

Phối hợp nghiên cứu đề tài có các cơ quan sau :

- Vụ Tổng hợp Tổng cục Thống kê
- Vụ Đối ngoại Tổng cục Thống kê
- Viện dự báo và chiến lược KHKT của Ủy ban Khoa học Nhà nước
- Trung tâm tư vấn chuyên giao công nghệ và đầu tư CONCETTI của Ủy ban khoa học nhà nước.
- Trung tâm nghiên cứu hệ thống và quản lý của Viện Khoa học Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện đề tài, nhóm cán bộ nghiên cứu đã được sự chỉ đạo khoa học rất cụ thể của Giáo sư Trần Phương Viện trưởng, Chủ nhiệm chương trình. Nhờ vậy mặc dù thời gian nghiên cứu ngắn, kinh phí eo hẹp, nhưng đề tài đã có thể tập trung sức nghiên cứu các vấn đề quan trọng nhất, phục vụ kịp thời các nghiên cứu chung của Chương trình cũng như góp phần cung cấp tư liệu cho công tác soạn thảo chiến lược và vạch kế hoạch dài hạn.

Nhìn chung hoạt động của đề tài đã thực hiện đúng nội dung kế hoạch đã đăng ký và tiến độ. Một phần các kết quả nghiên cứu đã hai lần báo cáo với Ban Chủ nhiệm Chương trình, một số kết quả nghiên cứu đề tài đã được công bố trên báo chí, trong các hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước hoặc báo cáo lãnh đạo Ủy ban Kế hoạch Nhà nước

Những kết quả chính đã đạt được là :

- 1) Thu thập và hệ thống hóa các số liệu kinh tế cơ bản của Việt nam từ trước cách mạng tháng tám 1945 đến nay.
- 2) Tiến hành phân tích kinh tế, so sánh quốc tế, đặc biệt là tính toán các chỉ tiêu giá trị về các thông số kinh tế chủ yếu của Việt nam theo giá quốc tế.
- 3) Dự báo các phương án phát triển của Việt nam đến năm 2000-2005.

Cùng với các kết quả trên, đã đạt được các kết quả khác về học thuật và đào tạo cán bộ :

- 1) Xây dựng một số phương pháp tính toán phù hợp với điều kiện Việt nam để đánh giá và dự báo các chỉ tiêu kinh tế chung.
- 2) Xây dựng các chương trình tính toán và tra cứu thông tin trên máy tính điện tử.
- 3) Đào tạo một số cán bộ nghiên cứu nòng cốt để tiếp tục nghiên cứu sau này.

Bên cạnh những kết quả nêu trên. Cũng còn có những hạn chế cần được tiếp tục bỏ khuyết trong khuôn khổ các nghiên cứu khoa học trong thời gian tới:

1) Thiếu máy tính điện tử tốt, có khả năng hoạt động thường xuyên để lưu trữ thông tin, tính toán mô phỏng các phương án phát triển kinh tế xã hội.

2) Thiếu hẳn các quan hệ khoa học với nước ngoài để có thể trao đổi thông tin, tiếp cận những phương pháp hiện đại.

3) Do kinh phí eo hẹp nên việc thu thập thông tin còn bị hạn chế, cả thông tin trong nước và thông tin quốc tế.

Hy vọng rằng những hạn chế này sẽ được khắc phục trong thời gian tới, thông qua những đề tài nghiên cứu mới của Viện và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Phần thứ hai

PHAN TICH SU PHAT TRIEN KINH TE VIET NAM

Phân tích sự phát triển kinh tế không có mục tiêu tự thân. Phân tích là giai đoạn đầu của quá trình nghiên cứu, đánh giá các khả năng phát triển và từ đó lựa chọn con đường phát triển hợp lý nhất.

Phân tích sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ từ cách mạng tháng Tám (1945) đến nay để làm rõ những bước tiến đã đạt được trong sự phát triển kinh tế xã hội, đồng thời tạo cơ sở để đánh giá đúng thực trạng hiện nay. Đó cũng là những tiền đề cần thiết để tiến hành các dự báo.

Trong phần dưới đây, nội dung phân tích kinh tế giới hạn chủ yếu trong việc đánh giá sự phát triển lực lượng sản xuất, ở các chỉ tiêu tổng hợp và các chỉ tiêu theo ngành. Các phân tích theo vùng lãnh thổ thuộc phạm vi của các đề tài khác. Trọng tâm phân tích là các chỉ tiêu về quy mô phát triển kinh tế quốc dân và các ngành, nhịp độ tăng trưởng kinh tế và cơ cấu ngành của nền kinh tế. Cùng với các chỉ tiêu hiện vật, để dành chú ý thích đáng cho phân tích các chỉ tiêu giá trị, đặc biệt là các chỉ tiêu giá trị được tính toán theo giá quốc tế.

Phần thứ hai này bao gồm các chương :

Chương 1 : Khái quát tình hình phát triển kinh tế qua các thời kỳ.

Chương 2 : Thực trạng kinh tế hiện nay.

Chương 1

Khái quát tình hình phát triển kinh tế qua các thời kỳ

Để làm rõ thực trạng kinh tế hiện nay cần điểm khái quát tình hình phát triển kinh tế qua các thời kỳ, từ trước cách mạng tháng Tám 1945 đến nay. Qua đó có thể nhận thức đúng hơn tình trạng không hoảng hiện nay; cái gì là hậu quả của tình trạng kém phát triển lâu dài, cái gì là do sai lầm trong chỉ đạo chiến lược.

1. Thời kỳ trước cách mạng tháng Tám (1945)

Dưới chế độ thực dân và phong kiến, nền kinh tế nước ta là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, hơn 90% dân cư là nông dân. Lúa là ngành sản xuất chính với kỹ thuật canh tác lạc hậu, đạt năng suất thấp 1,2 T/ha. Đây cũng là mức năng suất phổ biến của các nước trồng lúa, chưa sử dụng được các thành tựu khoa học kỹ thuật mà chỉ khai thác những "tặng vật" của tự nhiên. Theo đà tăng dân số, trong khi diện tích canh tác mở mang không đáng kể, sản lượng lúa bình quân đầu người giảm liên tục: năm 1900 - 331 kg, năm 1913 - 314 kg, năm 1937 - 272 kg, năm 1944 - 221 kg (nếu kể cả màu quy thóc thì cũng chỉ là 251 kg). Hơn nữa, thực dân Pháp đã vơ vét lúa gạo để xuất khẩu, mỗi năm hơn 1 triệu tấn, hay là hơn 20% sản lượng. Từ năm 1890 đến năm 1939 thực dân Pháp đã vơ vét từ Đông Dương, chủ yếu là từ Việt Nam, 57, 8 triệu tấn gạo để xuất khẩu.

Cây công nghiệp quan trọng nhất là cây cao su: đến năm 1940 đã trồng được 101 nghìn ha và khai thác được 38 nghìn tấn mù khô, phần lớn để xuất khẩu.

Các ngành sản xuất khác rất nhỏ bé: công nghiệp chỉ chiếm 16% giá trị sản lượng nông nghiệp. Sản phẩm công nghiệp tính bình quân đầu người cực kỳ thấp: điện 4,8 kwh, than 132,6 kg, xi măng 15,6 kg, gỗ 0,03 m³, vải 2,8 m giấy 0,3 kg, xà phòng 0,2 kg. (Xem: Sơ liệu kinh tế Việt Nam 1930-1984, Tổng cục Thống kê, 1985)

Mạng lưới giao thông vận tải tương đối phát triển do yêu cầu cai trị và khai thác thuộc địa: khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng nhanh từ dưới 0,5 tỷ Tkm năm 1930 tăng lên trên 1 tỷ Tkm năm 1940.

Bảng đánh giá ngoại suy có thể thấy mức thu nhập quốc dân sản xuất và tổng sản phẩm quốc nội GDP bình quân đầu người trong thời kỳ trước cách mạng Tháng tám đều dưới 100 USD (tính theo tỷ giá chính thức hiện nay). Mức sống thực tế của nhân dân còn thấp hơn nhiều vì một phần quan trọng thu nhập đã được chuyển về "chính quốc". Theo kết quả nghiên cứu của đề tài, cơ cấu tổng sản phẩm quốc nội GDP những năm 1939-1940, khi sản xuất đạt tới mức cao nhất trước chiến tranh thế giới lần thứ hai, là :

Nông nghiệp : 70 %
Công nghiệp : 9 %
Dịch vụ : 21 %

Đây là cơ cấu kinh tế điển hình của phần lớn các nước trong khu vực 40-50 năm trước đây.

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai (1940-1945), đặc biệt là sự chiếm đóng của quân đội phát xít Nhật đã làm nền kinh tế bị sa sút nghiêm trọng : sản lượng thóc giảm 15%, ngô giảm gần 50%. Hậu quả bi thảm là nạn đói đầu năm 1945 làm cho 2 triệu dân ta bị chết đói.

II. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954).

Vừa thiết lập chính quyền nhân dân, chúng ta phải bắt tay ngay vào cuộc kháng chiến 9 năm, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử.

Trong thời kỳ kháng chiến, nền kinh tế bị chia cắt thành nhiều vùng nhỏ, mang tính chất tự cấp tự túc. Chiến tranh đã phá hoại nặng nề các ngành công nghiệp nhỏ bé dưới thời thực dân về hệ thống giao thông vận tải. Mức sản xuất công nghiệp bình quân đầu người năm 1955 đều thấp hơn mức cao nhất trước cách mạng Tháng Tám:

Các sản phẩm	So với mức trước cách mạng tháng tám (%)
- Điện	81,2
- Than	35,7
- Xi măng	3,8
- Gỗ tròn	86,7
- Vải	32,1
- Giấy	20,0

Mặc dù sản xuất nông nghiệp vẫn được duy trì, có phần phát triển nhưng không theo kịp mức tăng dân số : trong

khí dân số tăng 28% nhưng nông nghiệp chỉ tăng 21% .

Về mặt giá trị, so với năm 1939, mức sản xuất bình quân đầu người năm 1955 về nông nghiệp bằng 95%, còn về công nghiệp chỉ bằng 32% .

Trong thời kỳ kháng chiến, chính quyền nhân dân rất chú ý nâng cao dân trí, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Mặc dù trước cách mạng Tháng Tám 1945 tuyệt đại bộ phận dân mù chữ, nhưng trong vùng tự do, nạn mù chữ đã được xóa bỏ về cơ bản. Năm 1955, cứ 12 người có 1 người đi học, 7.000 người có một người học đại học & cao đẳng (trước cách mạng là 2.000 người), trên một vạn dân có 10,5 giường bệnh, 0,44 bác sĩ. Số y tá tăng 7 lần so với trước cách mạng.

III. Thời kỳ chống Mỹ xâm lược (1954-1975).

Sau kháng chiến thắng lợi, Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Sự phát triển kinh tế ở mỗi miền mang đặc điểm riêng và điều đó còn mang dấu ấn đến ngày nay.

Miền Nam, từ 1955, kinh tế được khôi phục và phát triển một số năm. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đã gây ra đảo lộn lớn trong kinh tế và xã hội.

Sản xuất nông nghiệp, vốn là ngành kinh tế quan trọng nhất, bị đình đốn nghiêm trọng. Miền Nam từ chỗ xuất khẩu gạo 200 - 300 ngàn tấn mỗi năm, từ năm 1965 bắt đầu phải nhập gạo trên dưới 0,5 triệu tấn mỗi năm. Các loại nông sản khác cũng bị giảm sút: Năm 1969 so với năm 1959 sản lượng mía giảm 68%, cao su giảm 43%, dứa giảm 19%, dừa giảm 16% ... Trâu bò cũng giảm 1/3. Cùng với giảm sút sản xuất nông nghiệp, hàng triệu nông dân do chiến tranh phải bỏ ra thành thị sinh sống, gây nên tình trạng đô thị hóa cưỡng bức: so với năm 1955, dân số ở thành thị năm 1975 tăng 4,3 lần, làm cho tỷ lệ dân thành thị từ 15% tăng lên 31%, không tương xứng với mức tăng sản xuất ở thành thị.

Công nghiệp Miền Nam đã phát triển một số xí nghiệp tương đối hiện đại, chủ yếu là gia công nguyên liệu ngoại nhập, mỗi năm cần tới 300 - 400 triệu USD để nhập nguyên nhiên vật liệu. Sản phẩm công nghiệp chế biến chủ yếu phục vụ nhu cầu trong nước.